

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 12 - 2021
“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà Phạm Thị Thu Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Xuân L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà L có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2021 và các lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị Xuân L trình bày:*

Bà Trần Thị Xuân L và ông Nguyễn Văn H có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Ông H có quang hệ không lành mạnh, không chung thủy với vợ con. Tình cảm vợ chồng hiện nay không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, hôn nhân ngày càng trầm trọng. Sự việc mâu thuẫn đã xảy ra nhiều năm, kéo dài trong cuộc sống, làm ảnh hưởng

đến tư tưởng của bà L và các con nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông H.

Bà L, ông H có hai con chung là Nguyễn Thị Thu O, sinh ngày 25/7/1999 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 25/11/2000. Hiện các con đều đã thành niên, có thể tự làm việc nuôi sống bản thân nên bà L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Hôn nhân giữa ông H và bà L là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bắt đầu từ tháng 10/2021. Trước thời gian tháng 10/2021, cuộc sống gia đình vẫn hạnh phúc. Ông H không xúc phạm đến bà L, ngược lại ông vẫn còn tình thương yêu đối với vợ con.

Ông H xác định nguyên nhân chính bà L nộp đơn yêu cầu ly hôn là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Sau khi xảy ra sự việc, vợ chồng có nói chuyện với nhau, gia đình hai bên có khuyên răn nhưng bà L không đồng ý, vợ chồng không đoàn tụ được. Những người con chung cũng biết sự việc mâu thuẫn nhưng không có ý kiến gì. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng vẫn còn nên ông H không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà L, đề nghị bà L suy nghĩ lại về việc ly hôn để không ảnh hưởng đến gia đình và con cái.

Ông H, bà L có hai con chung là Nguyễn Thị Thu O, sinh ngày 25/7/1999 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 25/11/2000. Hiện các con đều đã thành niên, có thể tự làm việc nuôi sống bản thân nên ông H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương như sau:* Ông H, bà L là vợ chồng và có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã E, huyện M. Vợ chồng ông H bà L hiện có mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông H có tình cảm với người phụ nữ khác. Ông H bà L đã tự hòa giải với nhau nhưng không thành.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS)

- Việc chấp hành của các đương sự: Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận xử cho bà Trần Thị Xuân L ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà L yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bị đơn ông H, nguyên đơn và bị đơn hiện đang cư trú tại: thôn B, xã E, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Xuân L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 25/3/2005. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của các đương sự, thì ông H có một thời gian dài quan hệ với người phụ nữ khác trong khi hôn nhân giữa ông H và bà L đang tồn tại. Gia đình đã hòa giải, nhưng ông H không từ bỏ. Do đó, ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông H không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà L được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Ông H và bà L có hai con chung là Nguyễn Thị Thu O, sinh ngày 25/7/1999 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 25/11/2000. Hiện cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, có thể tự lao động nuôi sống bản thân. Ông H, bà L không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Trần Thị Xuân L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0005213 ngày 15/11/2021.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- UBND thị trấn S, huyện S
tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu HS.

(đã ký)

Võ Đức Hợi